TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Hoàng - Cán bộ hưu trí;

2/ Ông Trần Quang Thái - Phó Hiệu trưởng trường THCS Định Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Sử và bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 18 và ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn V (Vũ G), sinh ngày 16/02/2004. Nơi cư trú: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1982; Chị em ruột có bốn người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 21/11/2022, bị Công an thành phố L, tỉnh An Giang khởi tố, tạm giam về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Ngày 26/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù, về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Ngày 22/02/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh An Giang khởi tố về hành vi "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Hữu T (T), sinh ngày 10/5/2006. Nơi cư trú: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1984 và bà Hồ Thị P, sinh năm 1984; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 02/6/2022, bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng", số tiền 750.000 đồng, đến 07/6/2022 đóng phạt xong.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 26/6/2023 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Mai Nhựt T2 (T), sinh ngày 29/4/2006. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Việt L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1975; chị em ruột có hai người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 tạm giam đến ngày 23/6/2023 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Huỳnh Huy H (Bút), sinh ngày 07/12/2005. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Khắc H1, sinh năm 1979 và bà Võ Thị Minh T4, sinh năm 1978; bị cáo là con một trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/ Phan Hoàng Tấn P1, sinh ngày 03/11/2007. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hoàng Q, sinh năm 1985 và bà Phan Thị Diễm K, sinh năm 1987; chị em ruột có ba người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6/ Đỗ Phước Thành Q (V6), sinh ngày 05/6/2006. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành D, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1975; anh em ruột có bốn người, bị cáo là người thứ tư; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7/ Bùi Quốc N1 (N), sinh ngày 17/5/2006. Nơi cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tuấn A, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Kim Ý, sinh năm 1983; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/5/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8/ Trương Hữu N2, sinh ngày 18/02/2006. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ẩ, sinh năm 1984 và bà Trần Thị Ngọc C1, sinh năm 1989; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 02/6/2022, bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cất giấu các loại công cụ (dao tự chế) có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng", số tiền 2.000.000 đồng, đến ngày 06/6/2022 đóng phạt xong.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 26/3/2023 tạm giam, đến 23/6/2023 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9/ Nguyễn Lý Nhuất H2 (H), sinh ngày 26/02/2007. Nơi cư trú ấp V, xã V, huyện V, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1984 và bà Lý Mộng N3 (Lý Thị N4), sinh năm 1985; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/6/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10/ Đoàn Thanh P2 (Quận), sinh ngày 16/5/2005. Nơi cư trú: khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Út N5, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1971; anh em ruột có hai người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 25/5/2020, bị Công an quận T, Thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", hình thức cảnh cáo.

Ngày 02/6/2022, bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cất giấu các loại công cụ (dao tự chế) có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng", số tiền 2.000.000 đồng, đến ngày 06/6/2022 đóng phạt xong.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2023 đến ngày 26/3/2023 tạm giam, đến 23/6/2023 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11/ Lê Nhật T5 (Mèo), sinh ngày 17/8/2005. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh V1, sinh năm 1981 và bà Trần Thị C2, sinh năm 1981; chị em ruột có hai người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 22/02/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh An Giang khởi tố về hành vi "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2023 đến ngày 27/3/2023 tạm giam, đến 23/6/2023 hủy bỏ biện pháp tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 04/8/2023 bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án khác.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12/ Đặng Hoàng K1, sinh ngày 18/01/2007. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Tấn L1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1984; anh em ruột có hai người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 20/4/2023 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13/ Trần Nhựt Q2 (Phạm Nhựt Q3, Đ), sinh ngày 10/01/2006. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q4, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Thu V2, sinh năm 1975 (đã ly hôn); anh em ruột có hai người, bị cáo là người thứ ba; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 02/6/2022, bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng", số tiền 750.000 đồng, đến ngày 07/6/2022 đóng phạt xong.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2023 đến ngày 20/4/2023 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14/ Nguyễn Hoàng Tấn N6 (Bùm), sinh ngày 04/11/2007. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T7, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị T8, sinh năm 1977; bị cáo là con một trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

15/ Trần Văn A1, sinh ngày 24/5/2006. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T9, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Kim N7, sinh năm 1983; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/5/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

16/ Võ Minh K2 (K), sinh ngày 30/9/2006. Nơi cư trú khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh S, sinh năm 1985 và bà Trần Thị N8, sinh năm 1986; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 03/6/2022, bị Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cất giấu các loại công cụ (dao tự chế) có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng", hình thức cảnh cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/6/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Hữu T: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Mai Nhựt T2: Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1975. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Huy H: Bà Võ Thị Minh T4, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phan Hoàng Tấn P1: Chị Phan Thị Diễm K, sinh năm 1987. Nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Phước T10 Quốc tế: Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Bùi Quốc N1: Chị Huỳnh Kim Ý, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trương Hữu N2: Anh Trương Văn Ẩ, sinh năm 1984 và ông Trương Văn A2, sinh năm 1958. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (ông A2 có mặt, ông Ẩ vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2: Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1984 và bà Lý Mộng N3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ (ông Q1 vắng mặt, bà N3 có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đoàn Thanh P2: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1971. Nơi cư trú: khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Nhật T5: Chị Trần Thị C2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Hoàng K1: Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1984 và ông Đặng Tấn L1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (bà T6 vắng mặt, ông L1 có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Nhựt Q2: Ông Trần Văn Q4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Hoàng Tấn N6: Bà Đoàn Thị T8, sinh năm 1977. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Văn A1: Chị Huỳnh Kim N7, sinh năm 1983. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Võ Minh K2: Chị Trần Thị N8, sinh năm 1986. Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Đại diện Trường THPT N12 (vắng mặt).

Bị hại:

1/ Đoàn Lê Nhật T11 (L), sinh ngày 01/7/2004. Nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Đoàn Lê Nhật T11: Chị Lê Thị Kỳ T12, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ Mai Hùng N9, sinh 25/9/2005. Nơi cư trú: khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Mai Hùng N9: Chị Mai Thị T13, sinh năm 1982. Nơi cư trú: khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Diễm T14, sinh năm 1976. Nơi cư trú: khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Phạm Tuấn K3, sinh ngày 14/11/2007 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Tuấn K3: Chị Nguyễn Thị N10, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2/ Lê Thị Diễm K4, sinh ngày 01/9/2005 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Lê Thị Diễm K4: Bà Huỳnh Thị Diễm T14, sinh năm 1976 (vắng mặt).

3/ Nguyễn Hồng M1, sinh năm 1971 (vắng mặt).

4/ Phạm Thái N11, sinh ngày 01/9/2005 (vắng mặt).

5/ Phạm Văn T15, sinh ngày 26/12/2007 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Văn T15: Anh Trần Duy T16, sinh năm 1988 (vắng mặt).

6/ Anh Huỳnh Huy C3, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Nhựt Q2: Bà Hồ Hoàng P3 - Luật sư Văn phòng L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Nhựt Q2, Đoàn Thanh P2, Lê Nhật T5 và Đặng Hoàng K1: Ông Đỗ Khoa K5 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T21 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Mai Nhựt T2, Trương Hữu N2: Ông Hà Quang V3 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T21 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn A1, Đỗ Phước Thành Quốc T17, Nguyễn Hoàng Tấn N6 và Võ Minh K2: Bà Văng Thị V4 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T21 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Phan Hoàng Tấn P1, Huỳnh Huy H, Bùi Quốc N1: Bà Phạm Thanh Ái D1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T21 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2, Lê Hữu T: Ông Lương Minh H3 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T21 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 24/05/2022, Mai Nhựt T2 (T), Đoàn Thanh P2 (Quận), Trương Hữu N2, Lê Nhật T5 (M), Nguyễn Hoàng Tấn N6 (B), Trần Nhựt Q2 (Đ), Đặng Hoàng K1, Lê Hữu T, Võ Minh K2 (K), Bùi Quốc N1 (N), Nguyễn Lý Nhuất H2, Trần Văn A1, Đỗ Phước Thành Q (V), Huỳnh Huy H (B) ngồi uống nước ở khu dân cư C, khóm H, phường M, thành phố L.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn V (V) điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở Phan Hoàng Tấn P1 đến rủ cả nhóm "đi vào thị trấn P tìm nhóm của Lê Tiến c", cả nhóm đồng ý. Thực hiện ý định, V đến bụi cây cách quán nước khoảng 20m, lấy 07 cây dao tự chế và 01 cây chĩa đưa T2, N2, P1, N1, H2, H, T mỗi người một cây dao tự chế, Quốc T17 cây chĩa. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở P1; A1 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở H2; T5 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở T; Minh K2 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở H; N6 điều khiển xe mô tô biển số 54S4-1035 chở N2; Hoàng K1 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở Quốc T17; P2 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở T2; Q2 điều khiển xe mô tô biển số không xác định chở N1 về hướng thị trấn P, huyện T. Khi đến cầu P ở khu vực khóm P, thị trấn P, huyện T, T5 gặp Đoàn Lê Nhật T11, Mai Hùng N9 đang ngồi uống trà sữa ở quán của Huỳnh Thị Diễm T14 nên T5 hô lớn lên "Lê Tiến kìa" và chỉ tay về phía T11 nên cả nhóm điều khiển xe quay lại quán thì T11, N9 bỏ chạy vào trong quán. Lúc này, T2 cầm dao tự chế đuổi theo H4 N9 chém 03 nhát vào tay và chân, H cầm dao tự chế chém T11 02 nhát vào đầu và tay, T cầm dao tự chế chém T11 khoảng 04 nhát trúng đầu và tay, còn P1 cầm cây dao tự chế và Quốc T17 (V5) cầm cây chĩa đập tủ kính, bàn ghế trong quán. Sau đó, cả nhóm điều khiển xe quay về khóm H, phường M, thành phố L cất giấu hung khí. Riêng T11 được mọi người đưa đến Bệnh viện Đ1 điều trị đến ngày 30/5/2022 ra viện; N9 được chuyển đến

Bệnh viện C4, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chuyển đến Bệnh viện Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 02/6/2022 xuất viện.

Ngày 17/8/2022, N9 có đơn yêu cầu xử lý hình sự.

Ngày 16/3/2023; 17/3/2023; 23/6/2023; 18/3/2023; 14/4/2023, P1, N9, T2, P2, T, T5, Hoàng K1, Q2 ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 03 ghế nhựa màu xanh, 02 thùng nhựa màu xanh;

- 01 cây dao tự chế cán bằng kim loại dài 67cm, màu trắng, cán được quấn bằng vải, lưỡi rộng nhất là 4,5cm, mũi nhọn;

- 01 cây dao tự chế dài 58cm, màu đen, lưỡi rộng nhất 6,2cm, cán bằng nhựa màu đen;

- 01 cây rựa quéo, dài 84cm, cán bằng gỗ dài 43cm, lưỡi rộng nhất 5,2cm;

- 01 cây kim loại màu trắng, dài 91cm, mũi nhọn, đường kính 01cm.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 503/22/TgT, số 512/22/TgT ngày 16/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T21, đối với:

Mai Hùng N9, sinh năm 2005, ghi nhận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kẻ ngón III - IV bàn tay phải từ mặt lòng đến mặt lưng, kích thước (3.7 x 0.1)cm, sậm màu, sắc gọn: tỷ lệ là 01%. Do vật sắc gây nên.

- Mỏm cụt đốt 1 ngón IV bàn tay phải: tỷ lệ là 08%. Do vật sắc gây nên.

- Sẹo từ mặt lòng ra sau mặt lưng bàn tay phải phía ngón V, kích thước (11 x 0.2)cm hình vòng cung (sẹo mổ mặt trong bàn tay phải phía mô út kích thước (1.2 x 0.1)cm, sẹo rút đinh mặt lưng đốt 1 - 2 ngón V bàn tay phải kích thước (0.5 x 0.1)cm). *Gãy trật khớp bàn ngón và đốt 1 ngón V bàn tay phải*: tỷ lệ là 06%. Do vật sắc gây nên.

- Sây sát dạng mảng để lại sẹo mặt ngoài 1/3 trên đến 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước (20 x 09)cm: tỷ lệ là 03%. Do vật tày có bề mặt không nhẵn gây nên.

- Sẹo mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái, kích thước (03 x 0.4)cm, hướng hơi xiên, lồi, sậm màu: tỷ lệ là 02%. Do vật sắc gây nên.

- Sẹo mắt cá ngoài bàn chân trái, đứng dọc, kích thước (2.2 x 0.5)cm, lồi, sậm màu: tỷ lệ là 01%. Do vật sắc gây nên.

- 03 sẹo mu bàn chân trái từ ngoài vào trong:

+ Vết 01: phía ngón V, dạng mảng, kích thước (02 x 01)cm, bờ nham nhở, sậm màu, lồi: tỷ lệ là 01%. Do vật tày gây nên.

+ Vết 02: kích thước (02 x 0.2)cm, đứng dọc, lồi, sậm màu, sẹo thẳng: tỷ lệ là 01%. Do vật tày gây nên.

+ Vết 03: kích thước (01 x 0.2)cm, nằm ngang, lồi, sậm màu, sẹo thẳng: tỷ lệ là 01%. Do vật tày gây nên.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là: 22%.

Đoàn Lê Nhật T11 sinh năm 2004, ghi nhận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo thái dương trái, đứng sọc, sẹo thẳng, kích thước (05 x 0.4)cm, hồng, phẳng, bờ sắc gọn, hai góc nhọn. *Mẻ bản ngoài xương sọ thái dương trái*: tỷ lệ là 09%.

- Sẹo mặt lưng bàn tay trái phía ngón I, II, III nằm ngang, kích thước (4.5 x 0.3)cm, lồi, sậm màu (sẹo mổ đứng dọc đầu trên kích thước (03 x 0.5)cm). *Đứt gân duỗi ngón II, III, IV, V bàn tay trái, hiện tại các ngón tay vận động bình thường. Đứt gân duỗi cổ tay quay dài trái, hiên tại ảnh hưởng ít đến động tác khớp cổ tay*: tỷ lệ là 07%.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là: 15%.

3. Kết luận khác: Thương tích do vật sắc gây nên.

Kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, xác định:

- Tấm kính màu trắng, 10 ly (01 x 0,5)cm, trị gía 230.000 đồng.

- Tấm kính màu trắng, 10 ly (01 x 0,4)cm, trị gía 190.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 420.000 đồng.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 317/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 06/6/2023 của Trung tâm pháp y Thành phố C đối với Võ Minh K2, sinh năm 2006, ghi nhận:

1. Các kết quả chính:

- Khám chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt: Sự phát triển của răng phù hợp với độ tuổi từ 16 năm 00 tháng trở lên.

- X-quang bàn tay hai bên thẳng, nghiêng: Các đầu xương chưa liền hoàn toàn vào thân xương.

2. Kết luận: Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định Võ Minh K2 có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng (tại thời điểm giám định ngày 05/6/2023).

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSTS-HS ngày 18/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hữu T, Mai Nhựt T2, Huỳnh Huy H, Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17, Bùi Quốc N1, Trương Hữu N2, Nguyễn Lý Nhuất H2, Đoàn Thanh P2, Lê Nhật T5, Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2, Nguyễn Hoàng Tấn N6, Trần

Văn A1 và Võ Minh K2 về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu.

Các bị hại Đoàn Lê Nhật T11 (L), Mai Hùng N9 khai: T11, N9 không có mâu thuẫn gì với Nguyễn Văn V, ngày 24/5/2023 T11 và N9 bị nhóm của V dùng dao tự chế chém gây thương tích như nội dung vụ án đã nêu trên. T11 không yêu cầu bồi thường chi phí điều trị; N9 yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, tiền công lao động là 62.597.000 đồng và xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng Lê Thị Diễm K4, Nguyễn Hồng M1, Phạm Thái N11, Phạm Văn T15, Phạm Văn T18 khai chứng kiến nhóm của V dùng dao tự chế chém T18, N9 gây thương tích như nội dung vụ án đã nêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Diễm T14 (chủ quán trà sữa) khai bị nhóm của Nguyễn Văn V đập bể 02 tấm kính như nội dung vụ án nêu trên. Thúy yêu cầu bồi thường thiệt hại 950.000 đồng.

Người làm chứng Phạm Tuấn K3 khai: Sau vụ việc, T5 đến nhà kể lại T sử dụng dao tự chế chém đứt ngón tay của Lê T11.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Huy H chị Võ Thị Minh T4, người làm chứng anh Huỳnh Huy C3 (mẹ, chú bị can Huỳnh Huy H) khai: C3 là người đưa T4 đi sinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ1. T4 sinh H tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ1, có giấy chứng sinh. T4 và cha Hoàng cưới nhau không có đăng ký kết hôn nên khi T4 đi đăng ký khai sinh cho H không có tên cha.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2 anh Nguyễn Văn Q1, chị Lý Mộng N3 (cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2) khai: N3 sinh H2 tại Bệnh viện đa khoa thị xã N, tỉnh Hậu Giang có giấy chứng sinh. Q1 là người đăng ký khai sinh cho H2 và khai tên mẹ H2 là Lý Thị N4.

Bà Nguyễn Thị Thu T3 (mẹ bị cáo Mai Nhựt T2), chị Võ Thị Minh T4 (mẹ bị cáo Huỳnh Huy H), ông Đỗ Thành D (cha bị cáo Đỗ Phước Thành Quốc T17), chị Huỳnh Kim Ý (mẹ bị cáo Bùi Quốc N1), bà Nguyễn Thị Ngọc M (mẹ bị cáo Đoàn Thanh P2), chị Trần Thị C2 (mẹ bị cáo Lê Nhật T5), anh Trần Nhựt D2 (anh ruột bị cáo Trần Nhựt Q2), bà Đoàn Thị T8 (mẹ bị cáo Nguyễn Hoàng Tấn N6), chị Huỳnh Kim N7 (mẹ bị cáo Trần Văn A1), bà Trần Thị T19 (bà ngoại bị cáo Võ Minh K2), anh Trương Văn Ẩ (cha bị cáo Trương Hữu N2), ông Đặng Tấn L1 (cha bị cáo Đặng Hoàng K1) khai: Thảo giao nộp 25.000.000 đồng; Kim Ý giao nộp 5.000.000 đồng; Như giao nộp 5.000.000 đồng; T4 giao nộp 5.000.000 đồng; Chiều giao nộp 5.000.000 đồng; D2 giao nộp 5.000.000 đồng; M giao nộp 3.000.000 đồng; L1 giao nộp 3.000.000 đồng; Ẩn giao nộp 2.000.000 đồng; T8 giao nộp 2.000.000 đồng; D giao nộp 2.000.000 đồng; T19 giao nộp 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thành phố Long Xuyên xử phạt bị cáo V 03 năm tù, về tội "Gây rối trật tự công cộng", đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 14/9/2023 TAND thành phố Long Xuyên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội "Cố ý gây thương tích" đã tổng hợp bản án 73/2023/HS-ST ngày 26/6/2023; hiện bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và tổng hợp trong quá trình thi hành án.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng Tấn P1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Mai Nhựt T2 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh P2 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Trương Hữu N2 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Trần Nhựt Q2 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Lê Nhật T5 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Ngoài ra, ngày 14/9/2023 bị cáo T5 bị TAND thành phố Long Xuyên xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và tổng hợp trong quá trình thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng K1 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Huỳnh Huy H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc N1 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Trần Văn A1 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Đỗ Phước T10 Quốc Tế từ 01 năm 03 tháng đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Võ Minh K2 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tấn N6 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2 từ 01 năm đến 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Về hình phạt bổ sung: Không có.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người đại diện đã thực hiện xong việc bồi thường cho bị hại Mai Hùng N9 chi phí điều trị, tiền công lao động là 62.597.000 đồng; chị Huỳnh Thị Diễm T14 (chủ quán trà sữa) 02 tấm kính trị giá 950.000 đồng nên không đề cập xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 9.453.000 đồng.

Luật sư Hồ Hoàng P3 và Trợ giúp viên pháp lý Đỗ Khoa K5 bào chữa cho bị cáo Trần Nhựt Q2 không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng đối với bị cáo, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo xuất thân thành phần lao động, có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế và dễ bị bạn bè xấu lôi kéo phạm tội; bị cáo thực hiện với vai trò giúp sức; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có thể xử phạt bị cáo mức án thấp nhất như Viện kiểm sát đề nghị để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

Trợ giúp viên pháp lý Đỗ Khoa K5 bào chữa cho các bị cáo Đoàn Thanh P2, Lê Nhật T5 và Đặng Hoàng K1 không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình

nên dễ bị bạn bè xấu lôi kéo phạm tội; các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P2 01 năm 06 tháng; bị cáo T5 01 năm 06 tháng và bị cáo K1 01 năm cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý Hà Quang V3 bào chữa cho bị cáo Mai Nhựt T2, Trương Hữu N2 không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình và ảnh hưởng môi trường mạng, dễ dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội; khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế; sau khi phạm tội đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, trong đó gia đình bị cáo T2 khắc phục số tiền tương đối lớn 25.000.000 đồng. Bị cáo N2 thực hiện tội phạm với vai trò là người giúp sức, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T2 02 năm, bị cáo N2 01 năm 06 tháng là phù hợp, giúp các bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Trợ giúp viên pháp lý Văng Thị V4 bào chữa cho các bị cáo Trần Văn A1, Đỗ Phước Thành Quốc T17, Nguyễn Hoàng Tấn N6 và Võ Minh K2 không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng đối với các bị cáo, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Các bị cáo xuất thân gia đình hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế; các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thấy được hành vi phạm tội của mình nên thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; có thể xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất như Viện kiểm sát đề nghị để tạo điều kiện cho các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thanh Ái D3 bào chữa cho các bị cáo Phan Hoàng Tấn P1, Huỳnh Huy H, Bùi Quốc N1 không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng đối với bị cáo, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Các bị cáo xuất thân gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quan tâm giáo dục gia đình, đặc biệt cha mẹ bị cáo H đã ly hôn, thiếu sự dạy dỗ của cha mẹ; các bị cáo ham vui, nghe lời xúi giục của bạn bè xấu phạm tội, các bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo P1 và N1 tham gia trong vụ án với vai trò giúp sức, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại. Sau khi gây án đã tác động gia đình bồi thường cho bị

hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; có thể xử phạt bị cáo H và N1 mức án 02 năm tù, bị cáo P1 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý Lương Minh H3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2, Lê Hữu T không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như sau: Các bị cáo xuất thân thành phần lao động, học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; có thể xét xử các bị cáo mức án thấp nhất như Viện kiểm sát đề nghị để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo pháp luật cho bị cáo; bị hai, người đại diện theo pháp luật cho bị hại, người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy sau khi vụ án xảy ra; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù

hợp với lời khai các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y tỉnh T21, các biên bản hoạt động tố tụng, ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đầy đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 24/5/2022, vì duyên cớ nhỏ nhặt Nguyễn Văn V rủ Lê Hữu T, Mai Nhựt T2, Huỳnh Huy H, Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17, Bùi Quốc N1, Trương Hữu N2, Nguyễn Lý Nhuất H2, Đoàn Thanh P2, Lê Nhật T5, Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2, Nguyễn Hoàng Tấn N6, Trần Văn A1 và Võ Minh K2 sử dụng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm chém Mai Hùng N9 gây thương tích 22%, Đoàn Lê Nhật T20 gây thương tích 15%.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý nhất của xã hội được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

Trong vụ án này, giữa các bị cáo và người bị hại không thù, không oán, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trước đây giữa nhóm bị cáo V với bị hại Đoàn Lê Nhật T20, bị cáo V đã rủ các bị cáo chuẩn bị dao, chĩa là hung khí nguy hiểm chém Mai Hùng N9 gây thương tích 22%, Đoàn Lê Nhật T20 thương tích 15%.

Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại Mai Hùng N9 và Đoàn Lê Nhật T20 mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, tuy nhiên các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau trước nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ cấu thành đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa rõ vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Trước hết đối với bị cáo Nguyễn Văn V, bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án, giữa bị cáo và bị hại Mai Hùng N9 không hề có mâu thuẫn gì với nhau, xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị cáo với nhóm của T20 (trước đây V bị nhóm này đuổi chém), bị cáo đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo chưa đủ 18 tuổi gồm T, P1, T2, H, Quốc T17, N1, N9, H2, P2, T5, Hoàng K1, Q2, N6, A1, Minh K2 chuẩn bị dao tự chế, chĩa là hung khí nguy hiểm dẫn đường cho cả nhóm vào P chém nhóm của T20 để trả thù; từ hành vi của bị cáo dẫn đến việc bị cáo T2, H, T, dùng dao chém bị hại N9 thương tích 22% và bị cáo T20 thương tích 15%; ngoài ra, bị cáo P1 và Quốc T17 dùng dao, chĩa đập bể tủ kính, bàn ghế tại quán của chị Huỳnh Thị Diễm T14.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân bất bình. Bị cáo có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này bị cáo còn thực hiện nhiều tội phạm khác và bị Tòa án đưa ra xét xử. Do đó, khi lượng hình cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm và cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Phan Hoàng Tấn P1, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo V. Khi được bị cáo V rủ chém nhóm của T20 để trả thù, thì bị cáo đồng ý ngay và cùng V đến quán C5, lôi kéo T, T2, H, Quốc T17, N1, N9, H2, P2, T5, Hoàng K1, Q2, N6, A1, Minh K2 là những người dưới 18 tuổi, chuẩn bị hung khí cho cả nhóm thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài hành vi trên bị cáo còn là người trực tiếp cầm dao tự chế đứng bên ngoài đập phá tài sản. Do vậy khi lượng hình cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội bị cáo đã gây ra và nhẹ hơn đối với bị cáo V.

Đối với các bị cáo Lê Hữu T, Mai Nhựt T2, Huỳnh Huy H khi được bị cáo V rủ tìm nhóm của T20 để chém trả thù thì các bị cáo đồng ý ngay. Khi bị cáo T5 gặp T20 và chỉ tay nói "Lê Tiến kìa" thì cả nhóm quay xe lại, trong đó có các bị cáo. Bị cáo T2 đuổi theo H4 N9 dùng dao tự chế chém 03 nhát vào tay và chân; bị cáo H và bị cáo T cầm dao đuổi theo T20 trong đó bị cáo H cầm dao tự chế chém T20 02 nhát vào đầu và tay, bị cáo T cầm dao tự chế chém T20 khoảng 04 nhát trúng đầu và tay. Hậu quả làm N9 thương tích 22% và T20 thương tích 15%. Vì vậy các bị cáo T2, H, T phải chịu trách nhiệm hình sự với thương tích mình gây ra và còn phải chịu chung hậu quả về tổng thương tích tất cả bị cáo gây ra cho N9, T20. Do đó, khi lượng hình cũng cần có mức hình phạt thật nghiêm khắc phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Phước Thành Quốc T17 , khi được bị cáo V, P1 rủ đi chém nhóm của T20 trả thù, bị cáo không đắn đo mà đồng ý ngay và sử dụng cây chĩa là hung khí nguy hiểm để tham gia đánh nhau. Ngoài hành vi giúp sức tích cực cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Quốc T17 là người trực tiếp cầm cây chĩa đứng bên ngoài đập phá tài sản. Vì vậy, khi lượng hình cần có mức hình phạt nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo H2, Hoàng K1, N6, Minh K2 để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ít cho xã hội.

Đối với các bị cáo Bùi Quốc N1, Nguyễn Lý Nhuất H2, Trương Hữu N2 khi được bị cáo V, P1 rủ đi tìm nhóm của T20 chém trả thù đáng lẽ các bị cáo phải khuyên can, ngăn cản, nhưng các bị cáo không làm được đều này mà lại tích cực tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đến bụi cây cách quán nước khoảng 20m lấy hung khí chia nhau, các bị cáo sử dụng mô tô của mình đi cùng với bị cáo khác vào P tìm chém nhóm của T20, N2. Mặc dù các bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng giúp sức về mặt tinh thần để nhóm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Nhật T5 sau khi không tìm gặp nhóm Lê T20, trên đường quay về gặp T20, N2 đang ngồi uống trà sữa ở quán của Huỳnh Thị Diễm

T14 bị cáo chỉ tay về phía T20 tri hô lớn *"Lê Tiến kìa"* nên cả nhóm điều khiển xe quay lại. Hành vi của bị cáo là tiền đề để nhóm bị cáo gây thương tích cho bị hại N2, T20. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Đoàn Thanh P2, Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2, Nguyễn Hoàng Tấn N6, Trần Văn A1, Võ Minh K2 khi được bị cáo V và P1 rủ rê, lôi kéo đi đánh nhau các bị cáo cũng không từ chối mà điều khiển xe mô tô chở các bị cáo còn lại vào P tìm nhóm của T20 để chém trả thù. Các bị cáo tuy không trực tiếp gây thương tích cho N2, T20 nhưng có vai trò giúp sức tích cực cho các bị cáo T, T2, H thực hiện hành vi phạm tội.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo có vai trò giúp sức cùng bị cáo V là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe của người khác nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc phù hợp nhằm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn V, Phan Hoàng Tấn P1 xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ sau:

Các bị cáo xuất thân thành phần lao động; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi phạm tội, ngoài bị cáo V ra các bị cáo còn lại đều dưới 18 tuổi nên hiểu biết và nhận thức pháp luật hạn chế. Các bị cáo T2, N2, P2, T5, Hoàng K1, sau khi phạm tội đến Công an đầu thú. Sau khi gây án, các bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền cụ thể như sau: Gia đình bị cáo T2 nộp 25.000.000 đồng, gia đình bị cáo N1 nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo A1 nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo H nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo T5 nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo Q2 nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo P2 nộp 3.000.000 đồng, gia đình bị cáo Hoàng K1 nộp 3.000.000 đồng, gia đình bị cáo N2 nộp 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo N6 nộp 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo Quốc T17 nộp 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nhuất H2 nộp 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo P1 nộp 1.000.000 đồng, gia đình bị cáo T nộp 3.000.000 đồng, gia đình bị cáo Minh K2 nộp 2.000.000 đồng.

[6] Đối với bào chữa của Luật sư Hồ Hoàng P3 và các Trợ giúp viên pháp lý Đỗ Khoa K5, Hà Quang V3, Văng Thị V4, Phạm Thanh Ái D1, Lương Minh H3 thì các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo mà Luật sư và các Trợ giúp viên pháp lý nêu ra được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần và cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo gây thương tích cho bị hại thì phải có trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

gia đình bị hại Đoàn Lê Nhật T20 không yêu cầu các bị cáo bồi thường; gia đình bị hại Mai Hùng N9 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 62.597.000 đồng gồm chi phí điều trị, tiền công lao động; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Diễm T14 yêu cầu bồi thường 02 tấm kính bị vỡ với số tiền 950.000 đồng; ngoài yêu cầu trên, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của gia đình bị hại T20 không yêu cầu các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu bồi thường của gia đình bị hại Hùng N9 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Diễm T14 được các bị cáo và gia đình bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hiện tại gia đình các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả được 73.000.000 đồng, sau khi bồi thường cho bị hại N9 số tiền 62.597.000 đồng và bồi thường cho bà Diễm T14 950.000 đồng xong số tiền còn lại là 9.453.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với thương tích của bị hại Hùng N9 hiện nay còn phải tiếp tục điều trị nên tốn thêm chi phí. Tại phiên tòa, các bị cáo và đại diện hợp pháp cho các bị cáo đều đồng ý tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại N9 số tiền 9.453.000 đồng còn lại. Xét đây là sự tự nguyện của đại diện hợp pháp cho bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 73.000.000 đồng mà đại diện gia đình các bị cáo đã nộp, tại phiên tòa đều có ý kiến không tranh chấp gì đối với số tiền này và cũng không yêu cầu các bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ được một số vật chứng liên quan đến vụ án. Do không còn giá trị sử dụng nên tuyên bố tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền gia đình các bị cáo đã nộp, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với các bị cáo Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17 có hành vi đập phá tủ kính của Huỳnh Thị Diễm T14 trị giá 420.000 đồng là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Văn V vào ngày 26/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Thành phố Long Xuyên xử phạt bị cáo V 03 năm tù, về tội "Gây rối trật tự công cộng", bản án đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 14/9/2023 TAND thành phố Long Xuyên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử bị cáo V về tội "Cố ý gây thương tích" đã tổng hợp bản án số 73/2023/HS-ST ngày 26/6/2023. Hiện bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tổng hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Đối với bị cáo Lê Nhật T5 vào ngày 14/9/2023 bị cáo T5 bị TAND thành phố Long Xuyên xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và tổng hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V (V), Lê Hữu T (T), Mai Nhựt T2 (T), Huỳnh Huy H (B), Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17 (V6), Bùi Quốc N1 (N), Trương Hữu N2, Nguyễn Lý Nhuất H2 (H), Đoàn Thanh P2 (Quận), Lê Nhật T5 (Mèo), Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2 (Phạm Nhựt Q3, Đ), Nguyễn Hoàng Tấn N6 (B), Trần Văn A1 và Võ Minh K2 (K) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (Vũ Gà) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 02 năm 2023.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng Tấn P1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Mai Nhựt T2 (T) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (có khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo từ ngày 17/3/2023 đến ngày 23/6/2023).

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T (T) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2023.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh P2 (Quận) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (có khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo từ ngày 17/3/2023 đến ngày 23/6/2023).

Xử phạt bị cáo Trương Hữu N2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (có khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo từ ngày 17/3/2023 đến ngày 23/6/2023).

Xử phạt bị cáo Trần Nhựt Q2 (Phạm Nhựt Q3, Đ) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Lê Nhật T5 (Mèo) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 8 năm 2023 (có khấu trừ thời gian tạm giam cho bị cáo từ ngày 18/3/2023 đến ngày 23/6/2023).

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Huy H (Bút) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc N1 (N) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Trần Văn A1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Đỗ Phước T10 Quốc Tế 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Võ Minh K2 (Kha Lùn) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tấn N6 (Bùm) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lý Nhuất H2 (Huy Rùa) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V (V), Lê Hữu T (T), Mai Nhựt T2 (T), Huỳnh Huy H (B), Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17 (V6), Bùi Quốc N1 (N), Trương Hữu N2, Nguyễn Lý Nhuất H2 (H), Đoàn Thanh P2 (Quận), Lê Nhật T5 (Mèo), Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2 (Phạm Nhựt Q3, Đ), Nguyễn Hoàng Tấn N6 (B), Trần Văn A1 và Võ Minh K2 (K) cùng với đại diện hợp pháp của các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Mai Hùng N9 số tiền 62.597.000 đồng gồm chi phí điều trị, tiền công lao động và bồi thường cho bà Huỳnh Thị Diễm T14 số tiền 950.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện của các bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Mai Hùng N9 số tiền là 9.453.000 đồng (các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo đã nộp xong)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 73.000.000 đồng đại diện gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (theo các biên lai thu tiền số 0005639, ngày 15/9/2023; số 0005638 ngày 15/9/2023; số 0005633 ngày 21/8/2023; số 0005632 ngày 16/8/2023); và nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện T để đảm bảo cho thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố tịch thu tiêu hủy:

- 01 cây dao tự chế cán bằng kim loại dài 67cm, màu trắng, cán được quấn bằng vải, lưỡi rộng nhất là 4,5cm, mũi nhọn; 01 cây dao tự chế dài 58cm, màu đen, lưỡi rộng nhất 6,2cm, cán bằng nhựa màu đen; 01 cây rựa quéo, dài 84cm,

cán bằng gỗ dài 43cm, lưỡi rộng nhất 5,2cm; 01 cây kim loại màu trắng, dài 91cm, mũi nhọn, đường kính 01cm;

- 03 ghế nhựa màu xanh, 02 thùng nhựa màu xanh, không còn giá trị sử dụng.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKSTS, ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hữu T, Mai Nhựt T2, Huỳnh Huy H, Phan Hoàng Tấn P1, Đỗ Phước Thành Quốc T17, Bùi Quốc N1, Trương Hữu N2, Nguyễn Lý Nhuất H2, Đoàn Thanh P2, Lê Nhật T5, Đặng Hoàng K1, Trần Nhựt Q2, Nguyễn Hoàng Tấn N6, Trần Văn A1 và Võ Minh K2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, đại diện theo pháp luật của các bị cáo; bị hại, đại diện theo pháp luật của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Triều